

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 69/2022/HS-ST

Ngày 16 - 11 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Như

2. Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 68 /2022/HSST ngày 31/10/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HS ngày 02/11/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Quang D**, sinh ngày: 19/5/1988 tại Bình Phước.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 7, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 00/12.

Cha: Trương Quang D (Đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị C (Đã chết). Bị cáo có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1993; vợ bị cáo tên Trịnh Thị Chung, sinh năm 1998; bị cáo có 01 người con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/4/2022 thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đến ngày 12/8/2022 bị khởi tố và Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ma Văn B, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Khoảng 16 giờ ngày 06/4/2022, Trương Quang D cùng bạn bè gồm Nguyễn Văn D1, Trương Hoài T, Lê Trung H1 đến quán của ông Ma Văn B tại tổ 7, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước để uống rượu.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi uống hết khoảng 1,5 lít rượu xong thì cả nhóm ra về. Lúc này, ông B đang đứng tính tiền với anh D1 tại bàn uống rượu thì D đến chỗ bàn kế bên để lấy tăm sử dụng. D nhìn thấy điện thoại OPPO A54, màu xanh của ông B đang để trên bàn, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại này để sử dụng. Khi này, thấy ông B không chú ý, D đã dùng tay phải lấy chiếc điện thoại OPPO A54 bỏ vào túi quần của mình. Sau khi lấy được điện thoại của ông B, D điều khiển xe mô tô về nhà tại tổ 7, ấp X, xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước rồi cất giấu trong phòng tắm của nhà D. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày ông B phát hiện mất điện thoại nên khoảng 18 giờ cùng ngày đã đến nhà D hỏi về việc có lấy điện thoại không nhưng D nói “không biết”. Sáng ngày 07/4/2022, ông B đã trích xuất camera của quán mình thì phát hiện chiếc điện thoại của mình Trương Quang D lấy trộm. Sau đó ông Ma Văn B đến Công an xã T trình báo sự việc trên. Đến sáng ngày 08/4/2022 Trương Quang D đến Công an xã T để giao nộp lại chiếc điện thoại và thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như nội dung nêu trên.

Căn cứ Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTTTHS ngày 31/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Giá trị còn lại của một điện thoại di động hiệu OPPO, loại A54, màu xanh, số IMEI 1: 868038050544213; số IMEI 2: 868038050544205, dung lượng 128GB, tại thời điểm bị trộm cắp tài sản là 65% và định giá là: 4.690.000 đồng x 65% = 3.048.500 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Quang D không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Trương Quang D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội gây thiệt hại không lớn nên đề nghị HĐXX áp dụng các quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại A54, màu xanh, số IMEI 1: 868038050544213; số IMEI 2: 868038050544205.

01 đĩa CD trong đó có clip liên quan đến vụ việc trộm cắp tài sản.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, loại A54, màu xanh. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Ma Văn B, cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả lại điện thoại di động trên cho ông B theo quy định nên không đề cập đến.

Đối với 01 (một) đĩa CD trong đó có clip liên quan đến vụ án trộm cắp tài sản, chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về vấn đề dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại là ông Ma Văn B đã nhận lại điện thoại di động hiệu OPPO, loại A54, màu xanh bị chiếm đoạt và bị can Trương Quang D đã bồi thường cho bị hại Ma Văn B số tiền 10.000.000 đồng. Ông B không có yêu cầu gì khác nên không đề cập đến.

- Tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 28 tháng 10 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố Trương Quang D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không tranh luận.

- Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ý kiến, khiếu nại gì nên hợp pháp. Bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố bị hại đã cung cấp lời khai phù hợp với nội dung vụ án; tài sản bị chiếm đoạt bị hại đã nhận lại và bị cáo đã bồi thường cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm nên việc vắng mặt bị hại tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử vụ án mà vắng bị hại.

[2]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám

định, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/4/2022, sau khi cùng nhóm bạn uống rượu xong tại quán của ông Ma Văn B thuộc tổ 7, ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước thì Trương Quang D phát hiện thấy điện thoại di động của ông B để ở bàn không có người trông coi nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt để sử dụng. D quan sát thấy ông B đang tính tiền với anh Nguyễn Văn D1, không để ý điện thoại nên D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO A54, màu xanh của ông Ma Văn B có giá trị là 3.048.500 đồng.

[3]. Xét lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ lén lút chiếm đoạt tài sản là điện thoại di động của bị hại là hành vi phạm pháp luật cấm nhưng chỉ vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp nên phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi mình gây ra.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện giao nộp tài sản chiếm đoạt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần để bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình; giám sát, giáo dục của địa phương nơi cư trú cũng là có thời gian cho bị cáo cải tạo hoàn thiện bản thân mình, cũng đảm bảo phòng ngừa tội phạm và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng

xong, trình tự, thủ tục đúng quy định pháp luật; bị cáo, bị hại và những người liên quan khác không khiếu nại, ý kiến gì nên hợp pháp và không tiếp tục xem xét.

- Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại không ý kiến và yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[8]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Quang D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Quang D mức án 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước nhận được quyết định thi hành án cải tạo không giam giữ và Bản sao bản án của bị cáo Trương Quang D. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập ổn định.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước nơi bị cáo cư trú để quản lý giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Bình Phước trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Vật chứng vụ án trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã xử lý đúng quy định; bị cáo, bị hại không ý kiến, nên không tiếp tục xử lý.

4. Về vấn đề dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, các điều 23 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Quang D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã P;
- Lưu: TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Học